

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC11 | | |
| Use Case Name: | Tạo tài khoản | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 9/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Quản trị hệ thống | | |
| Description: | Tạo tài khoản cung cấp cho người dùng | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản người quản trị 2. Tài khoản chưa tồn tại | | |
| Postconditions: | Tài khoản được tạo | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn tạo mới tài khoản 2. Màn hình sẽ hiển thị ra các thông tin cần nhập vào: tên đăng nhập, mật khẩu mặc định, chọn bộ phận 3. Điền thông tin vào để khởi tạo 4. Chọn “Đồng ý” 5. Hệ thống sẽ lưu thông tin tài khoản và có hiệu lực | | |
| Alternative Flows: | 1. Chọn tạo mới tài khoản 2. Màn hình sẽ hiển thị ra các thông tin cần nhập vào: : tên đăng nhập, mật khẩu mặc định, chọn bộ phận 3. Điền thông tin vào để khởi tạo 4. Hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của các kí tự nhập vào 5. Hiển thị thông báo “Kí tự đặc biệt”. 6. Nhập lại 7. Chọn “Hủy” để hủy việc tạo 8. Màn hình hiển thị màn hình khởi tạo | | |
| Exceptions: | Nếu tài khoản đã tồn tại sẽ không tạo được | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: | Trường hợp nếu máy tính bị shut down đột ngột, treo máy hoặc mất điện thì sẽ trong quá trình máy đang khởi tạo thông tin thì toàn bộ quá trình khởi tạo sẽ bị hủy, người quản trị sẽ phải khởi tạo lại. Tài khoản sẽ tự động đăng xuất ra khỏi hệ thống | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC12 | | |
| Use Case Name: | Xóa tài khoản | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 9/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản trị hệ thống | | |
| Description: | Xóa tài khoản người dùng | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập bằng tài khoản người quản trị hệ thống 2. Tài khoản tồn tại | | |
| Postconditions: | Tài khoản được xóa | | |
| Normal Flow: | 1. Vào mục xóa tài khoản 2. Màn hình hiển thị các tài khoản 3. Chọn tài khoản cần xóa 4. Click vào nút “Xóa” 5. Hệ thống kiểm tra sự tồn tại của tài khoản trong hệ thống 6. Xác nhận xóa tài khoản 7. Hệ thống thực hiện xóa tài khoản | | |
| Alternative Flows: |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: | Trong quá trình xóa tài khoản nếu hệ thống bị tắt đột ngột, mất điện, treo máy thì tài khoản sẽ không bị xóa.Tài khoản người quản trị sẽ tự đăng xuất khỏi hệ thống | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC15 | | |
| Use Case Name: | Khôi phục mật khẩu | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 9/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản trị hệ thống | | |
| Description: | Cung cấp lại mật khẩu mặc định cho người dùng theo yêu cầu của chủ tài khoản | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản người quản trị hệ thống 2. Tài khoản tồn tại | | |
| Postconditions: | Mật khẩu của tài khoản được đặt mặc định | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn mục Khôi phục mật khẩu mặc định 2. Hệ thống sẽ hiển thị các tài khoản 3. Chọn tài khoản cần khôi phục mật khẩu mặc định 4. Chọn “Đồng ý” 5. Xác nhận khôi phục mật khẩu mặc định 6. Hệ thống sẽ mặc định lại mật khẩu cho tài khoản | | |
| Alternative Flows: | 1. Chọn mục Khôi phục mật khẩu mặc định 2. Hệ thống sẽ hiển thị các tài khoản 3. Chọn tài khoản cần khôi phục mật khẩu mặc định 4. Chọn “Đồng ý” 5. Xác nhận khôi phục mật khẩu mặc định 6. Chọn “Hủy” | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: |  | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: | 2 | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: | Nếu máy tính tự tắt, mật khẩu hoăc treo trong khi thực hiện khôi phục mật khẩu thì tài khoản đó sẽ không được khôi phục mật khẩu mặc định. Tài khoản người quản trị sẽ tự động đăng xuất khỏi hệ thống | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC13 | | |
| Use Case Name: | Phân quyền | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 9/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản trị hệ thống | | |
| Description: | Thiết lập 1 nhóm người dùng với các quyền chung. Mỗi tài khoản sẽ thuộc 1 nhóm người dung hoặc không thuộc nhóm nào | | |
| Preconditions: | Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản người quản trị hệ thống | | |
| Postconditions: | Các tài khoản được phân quyền sử dụng | | |
| Normal Flow: | Phân quyền nhóm người dùng   1. Khi chọn phân quyền nhóm người dùng hệ thống sẽ hiển thị các nhóm người dùng và các quyền 2. Chọn nhóm người dùng 3. Thêm các quyền 4. Chọn “Đồng ý” 5. Hệ thống sẽ lưu lại khởi tạo và các quyền của nhóm người dùng sẽ có hiệu lực | | |
| Phân quyền người dùng   1. Khi người dùng chọn phân quyền người dùng hệ thống sẽ hiển thị các nhóm người dùng, tài khoản , các tài khoản người dùng 2. Chọn nhóm người dùng 3. Chọn tài khoản cần cho vào nhóm người dùng đó. 4. Thêm các quyền riêng biệt cho tài khoản đó 5. Chọn “thêm”. Xác nhận 6. Hệ thống sẽ lưu lại và có hiệu lực. Quay về màn hình phân quyền | | |
| Alternative Flows: | 1. Phân quyền nhóm người dung 2. Khi chọn phân quyền nhóm người dung hệ thống sẽ hiển thị các nhóm người dung và các quyền 3. Chọn nhóm người dùng 4. Thêm các quyền 5. Chọn “Hủy” 6. Quay về màn hình phân quyền | | |
| Phân quyền người dung   1. Khi người dung chọn phân quyền người dung hệ thống sẽ hiển thị các nhóm người dung, tài khoản , các tài khoản người dùng 2. Chọn nhóm người dùng 3. Chọn tài khoản cần cho vào nhóm người dung đó. 4. Thêm các quyền riêng biệt cho tài khoản đó 5. Chọn “Hủy” 6. Quay về màn hình phân quyền | | |
| Exceptions: | Nếu tài khoản đã thuộc nhóm khác. Khi thêm vào nhóm mới. Tài khoản đó sẽ không còn thuộc nhóm cũ | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: |  | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: | Nếu máy tính tự tắt, mất nguồn hoăc treo các thao tác sẽ bị hủy. Tài khoản người quản trị sẽ tự động đăng xuất khỏi hệ thống | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC14 | | |
| Use Case Name: | Xem nhật ký hệ thống | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 9/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản trị hệ thống | | |
| Description: | Xem nhật ký của hệ thống | | |
| Preconditions: | Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản người quản trị hệ thống | | |
| Postconditions: | Xem được nhật ký của hệ thống và thao tác trên đó | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn xem nhật ký hệ thống 2. Màn hình hiển thị các tình trạng hệ thống đăng nhập, đăng xuất, thời gian, các chỉnh sửa … trong hệ thống | | |
| Alternative Flows: |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 3 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |